

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày 15-11-2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký; 2. Bà Lô Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương – Thư ký TAND huyện N.

- Đại diện VKS nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam

- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 01/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quĩ Tín dụng NDCS B.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị B - Chủ tịch HĐQT.

Trú tại: Khu phố 2, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Gia G - Sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện N, Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị: Hà Thị T; Trú tại: Thôn L, xã H, huyện N, Thanh Hóa (vắng mặt).

2. Anh: Nguyễn Phú T; Sinh năm: 1972; Trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bà Lê Thị B đại diện theo pháp luật của nguyên

đơn trình bày:

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2010, Quỹ tín dụng B và anh Nguyễn Gia G đã ký hợp đồng tín dụng số: 00004/HĐTD, với thỏa thuận, Quỹ tín dụng B cho anh G vay số tiền: 17.000 000đ, Mục đích: Nâng cấp nhà ở; Thời gian vay: 12 tháng; Lãi suất 1,35%/tháng. Hình thức vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất số AC062681 là tài sản của anh Nguyễn Phú T (bên thứ 3) làm tài sản thế chấp để vay vốn tại Quỹ tín dụng B.

Phương thức trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc khi đến hạn. Nhưng từ khi nhận tiền vay ngày 07/01/2010 đến nay, anh G mới trả được 1.460.000đ tiền lãi. Từ kỳ trả nợ ngày 07/01/2011 anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và số lãi còn lại. Sau rất nhiều lần Quỹ nhắc nợ trực tiếp và ra thông báo nhắc nợ bằng văn bản nhưng anh G vẫn không có thiện chí đến trả nợ cho Quỹ.

Tính đến ngày 30/3/2018, anh G đang chiếm dụng bất hợp pháp tài sản của Quỹ tín dụng B với tổng số tiền là 38.528.250đ, trong đó tiền gốc là 17.000.000đ và lãi là 21.528.250đ, làm ảnh hưởng đến kế hoạch hoạt động của quỹ.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Quỹ TDNDCS B xét thấy anh Nguyễn Gia G vẫn không có thiện chí để hoàn trả số tiền còn nợ và lãi cho Quỹ tín dụng B. Do đó, tại phiên tòa Quỹ tín dụng B vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc anh Nguyễn Gia G phải có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng B tổng số tiền cả gốc và lãi là 40.280.100 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 23.280.100 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2018). Người đại diện theo pháp luật cho Quỹ tín dụng B không yêu cầu gia đình anh G chịu lãi suất quá hạn được ghi trong hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Gia G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T, anh Nguyễn Phú T đều vắng mặt lần thứ 2 không lý do chính đáng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng B đề nghị Tòa án vẫn tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn anh Nguyễn Gia G; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T và anh Nguyễn Phú T cố tình vắng mặt, trốn tránh không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án. Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các loại giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh G và những người liên quan vẫn vắng mặt và cố tình không nhận. Tòa án đã tiến

hành niêm yết đầy đủ các loại văn bản tố tụng theo quy định tại gia đình, trụ sở UBND xã H và tại Trụ sở Tòa án để cho anh G, chị T và anh T biết nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất và ra Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 23/10/2018, đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 15/11/2018. Sau đó đã niêm yết tại gia đình, trụ sở UBND xã H và tại trụ sở Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS, ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện N cho anh Nguyễn Gia G, chị Hà Thị T và anh Nguyễn Phú T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh G, chị T và anh T vẫn không có mặt.

Tại phiên tòa Người đại diện của Nguyên đơn không có ý kiến rút, bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo toàn bộ nội dung như đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tất cả các giai đoạn tố tụng từ thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để quyết định các vấn đề của vụ án một cách khách quan toàn diện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ TDNDCS B, buộc bị đơn là anh Nguyễn Gia G phải trả số tiền gốc 17.000.000đ và chịu lãi suất theo quy định. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tuyên hủy hợp đồng thế chấp giữa anh Nguyễn Gia G và Quỹ tín dụng B là Quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Phú T (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), bởi trước khi lập Hợp đồng vay vốn với Quỹ tín dụng B thì Hợp đồng ủy quyền giữa anh Nguyễn Gia G và anh Nguyễn Phú T đã hết thời hạn ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền có thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 24/12/2008).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Gia G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T, anh Nguyễn Phú T đã được triệu tập hợp lệ đến

lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G, chị T và anh T là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở B là cơ quan, tổ chức xã hội Nhà nước, bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì xác định đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Hà Thị T (vợ anh Nguyễn Gia G) là người cùng đứng tên trong đơn xin vay vốn với Quỹ tín dụng B nên Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ vào đúng thủ tục tố tụng dân sự hiện hành.

Anh Nguyễn Phú T là người đứng tên trong Quyền sử dụng đất số AC062681 được anh G thế chấp để lập hợp đồng vay vốn với Quỹ tín dụng B nên Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ vào đúng thủ tục tố tụng dân sự hiện hành.

Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng lời trình bày của người đại diện theo pháp luật cho nguyên đơn là bà Lê Thị B có cơ sở và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Hợp đồng tín dụng số: 00004/HĐTD, ngày 07 tháng 01 năm 2010; Hợp đồng ủy quyền Quyền sử dụng đất; Hợp đồng thế chấp tài sản; Báo cáo thẩm định tài sản; Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay và Giấy đề nghị vay vốn với tổng số tiền còn nợ là 38.528.250đ, trong đó tiền gốc là 17.000.000đ và 21.528.250 đồng tiền lãi.

Tuy anh Nguyễn Gia G và những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ Hồ sơ vay vốn của anh G trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh G có vay của Quỹ tín dụng B với số tiền nợ gốc là 17.000.000đ và thời gian chưa trả lãi như trình bày của đại diện cho nguyên đơn.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 07 tháng 01 năm 2010, anh Nguyễn Gia G có vay của Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở B số tiền 17.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 00004/HĐTD, ngày 07 tháng 01 năm 2010. Với thỏa thuận, Quỹ tín dụng B cho anh G vay số tiền: 17.000 000đ (Mục

đích: Nâng cấp nhà ở; Thời gian vay: 12 tháng; Lãi suất 1,35%/tháng). Hình thức vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất số AC062681 là tài sản của anh Nguyễn Phú T (bên thứ 3) làm tài sản thế chấp để vay vốn tại Quỹ tín dụng B.

Phương thức trả lãi hàng tháng, trả gốc khi đến hạn. Nhưng từ khi nhận tiền vay ngày 07/01/2010 đến nay, anh G mới trả được 1.460.000đ tiền lãi. Từ kỳ trả nợ ngày 07/01/2011 anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và số lãi còn lại. Mặc dù Hợp đồng tín dụng chỉ do anh G đứng tên vay nhưng số tiền vay dùng vào mục đích nâng cấp nhà ở của vợ chồng và chị T cũng đứng tên ký vào đơn đề nghị vay vốn nên anh G và chị T phải chịu trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng B.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay đã hết thời hạn của hợp đồng tín dụng nhưng anh G vẫn chưa trả số tiền vốn gốc còn nợ của Hợp đồng tín dụng nên buộc anh G phải trả số tiền vốn gốc 17.000.000 đồng cho Quỹ TDNDCS B.

[3] Đối với lãi suất: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 00004/HĐTD, ngày 07 tháng 01 năm 2010 anh Nguyễn Gia G vay Quỹ tín dụng B với số tiền 17.000.000 đồng, mức lãi suất 1,35%/tháng. Theo quy định của khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, anh G đã chấp nhận thỏa thuận và ký tên vào Hợp đồng tín dụng nên phải chịu lãi suất theo các mức như nêu trong Hợp đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả”.

Ngoài ra, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nếu anh G chậm T toán khi Hợp đồng đến hạn thì phải trả lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay Người đại diện theo pháp luật cho Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật mà chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả hết số tiền đã vay là 17.000.000 đồng và tiền lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 00004/HĐTD, ngày 07 tháng 01 năm 2010 với mức lãi suất 1,35%/tháng, tính từ thời điểm vay nợ 07/01/2010 cho đến ngày xét xử 15/11/2018. Do đó, buộc anh G và chị phải có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng B tổng số tiền đã vay là 17.000.000 đồng cộng với tiền

lãi phải trả tính đến ngày 15/11/2018 là 24.740.100 đồng. Anh G đã trả được 1.460.000đ đồng, còn nợ lại số tiền 23.280.100 đồng.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, anh Nguyễn Gia G có ký kết hợp đồng thế chấp số 00004/HĐTC ngày 01/01/2010 với Quỹ tín dụng B, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Phú T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 062681 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/3/2005 với diện tích 395m² loại đất trồng lúa tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá các chứng cứ tại Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng ủy quyền giữa anh Nguyễn Gia G và anh Nguyễn Phú T được lập ngày 23/12/2008, thời hạn ủy quyền ghi rõ là 12 tháng, tính đến ngày anh Nguyễn Gia G lập hợp đồng vay vốn với Quỹ tín dụng B (ngày 07/01/2010) thì Hợp đồng ủy quyền nêu trên đã không còn hiệu lực. Do đó, trong trường hợp này, Hội đồng xét xử cần tuyên hủy Hợp đồng thế chấp giữa anh Nguyễn Gia G với Quỹ tín dụng B là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hợp đồng vay vốn giữa anh G đối với Quỹ tín dụng B vẫn có hiệu lực vì hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên chỉ là một phần của Hợp đồng vay để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Do Quỹ tín dụng khi ký hợp đồng cho vay không xem xét tính pháp lý của Hợp đồng ủy quyền nên Quỹ tín dụng phải chịu bất lợi trong việc thu hồi vốn và phải trả lại Giấy tờ về tài sản thế chấp cho người có quyền hợp pháp là anh Nguyễn Phú T.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở B đối với hộ gia đình anh Nguyễn Gia G và chị Hà Thị T.

- Tiền vay gốc: 17.000.000đ theo hợp đồng.
- Tiền lãi: 23.280.100đ (Từ 07/01/2010 đến 15/11/2018 (ngày xét xử) = $(17.000.000đ \times 3.234 \text{ ngày} \times 1,35\% \times 12)/360 - 1.460.000 \text{ đồng (tiền lãi anh G đã nộp)} = 23.280.100 \text{ đồng.}$)

Tổng cộng là: 40.280.100 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn một trăm đồng)

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; Bị đơn anh Nguyễn Gia G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T phải liên đới chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định tại Điều 144, 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280; 290; 305; 463; 466; 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 47, khoản 2 Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kiện của Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở B đối với bị đơn anh Nguyễn Gia G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Gia G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T phải có trách nhiệm liên đới T toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở B số tiền là:

- Tiền vay gốc: 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng chẵn).
- Tiền lãi: 23.280.100đ (Từ 07/01/2010 ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2018).

Tổng cộng là: 40.280.100 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2018, anh Nguyễn Gia G và chị Hà Thị T còn phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc chưa T toán, theo mức lãi xuất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn là 150% lãi xuất khi cho vay (1,35%/tháng), cụ thể là: 2,025%/tháng, cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc nói trên.

Hợp đồng thế chấp số 00004/HĐTC ngày 01/01/2010 giữa Quỹ tín dụng B và anh Nguyễn Gia G vô hiệu. Buộc Quỹ tín dụng B phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 062681 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/3/2005 với diện tích 395m² loại đất trồng lúa tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí và quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở B không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 960.000 đồng mà Quỹ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003045, ngày 02/4/2018;

- Bị đơn anh Nguyễn Gia G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T phải liên đới chịu tiền án phí DSST có giá ngạch là 2.014.005 đồng (hai triệu không trăm mười bốn nghìn không trăm lẻ năm đồng).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quyết định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và hai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và hai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS ND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn